

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS - ST
Ngày 29/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lý Chàn Q - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1971 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Mù chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lý Mênh O (đã chết) và bà Triệu Mùi P; Vợ là Triệu Mùi N: Có 03 con. Con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/9/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lý Văn P - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 26 tháng 5 năm 1992 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lý Chàn Q và bà Triệu Mùi N; Vợ là Triệu Mùi Y: Có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lý Thị S - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1994 tại huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Lý Chàn Q và bà Triệu Mùi N; Chồng là Trần Đăng N: Có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/9/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn P:** Ông Dương Văn C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Duy T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La Đức D - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Triệu Mùi N, sinh năm 1968 - Trú tại: Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Chị Triệu Mùi Y, sinh năm 1986 - Trú tại: Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- **Người phiên dịch cho bà Triệu Mùi N:** Anh Lý Học Cương - Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 Công an huyện Pác Nặm nhận được công văn chuyển tin báo số 70/CTB-KL ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Hạt Kiểm lâm huyện Pác Nặm với nội dung có nhiều hộ dân phát phá rừng trái phép tại xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Trên kết quả điều tra xác định được như sau:

Tại lô 5, 6 khoảnh 1, tiểu khu 19 bản đồ quy hoạch ba loại rừng theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007, thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 01 bản đồ giao đất lâm nghiệp tại thôn Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi, Lý Chàn Q, Lý Văn P, Lý Thị S đều trú tại Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi hủy hoại rừng với diện tích là 24.500m^2 (Hai mươi tư nghìn năm trăm mét vuông) rừng sản xuất có trạng thái là rừng tự nhiên phục hồi, gây thiệt hại 1.136 cây gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII với khối lượng gỗ $154,313\text{m}^3$ (Một trăm năm mươi bốn phẩy ba trăm mười ba mét khối).

Tại cơ quan điều tra Lý Chàn Q, Lý Văn P, Lý Thị S khai nhận.

Năm 2009 hộ gia đình Lý Chàn Q được UBND huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 293.622m^2 đất rừng sản xuất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Do có mục đích phát rừng để trồng cây keo, nên khoảng cuối tháng 12/2017 Q cùng các con là Lý Văn P và Lý Thị S bàn bạc thống nhất với nhau về việc phát một phần diện tích rừng của thửa đất trên để trồng keo thì P và S đồng ý, đến đầu 01/2018 (không nhớ ngày) Lý Chàn Q bảo vợ là bà Triệu Mùi N, Lý Văn P bảo vợ là Triệu Mùi Y và Lý Thị S, mỗi người dùng một con dao quắm cùng lên khu rừng mà đã thống nhất để phát bụi rậm, dây leo và các cây nhỏ trong khoảng 05 đến 06 ngày, và để lại số cây to. Số cây to còn lại sau đó P một mình dùng máy cưa lóc, loại máy xăng cầm tay của Lý Chàn Q cắt hạ hơn hai ngày thì hết những cây thân gỗ trong khu rừng đã phát quang trước đó, sau đó để chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24 và ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Pác Nặm xác định: Hiện trường vụ hủy hoại rừng tại thửa đất số 5, lô 5, 6 khoảnh 1, tiểu khu 19, tờ bản đồ số 01 thuộc thôn Thôn P, xã A, huyện Pác Nặm là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi, theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007. Vị trí khu rừng bị phát phá phía Đông; Phía Nam và phía Bắc đều tiếp giáp với diện tích rừng của Lý Chàn Q; Phía Tây giáp với khu rừng của ông Đặng Chòi K, thôn C, xã X, trên bề mặt diện tích rừng bị chặt hạ phát hiện nhiều cây thân gỗ với nhiều nhóm gỗ khác nhau đã bị cắt đổ ngổ ngang về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn có để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất có nhiều kích cỡ khác nhau; Tiến hành đo diện tích rừng bị hủy hoại, sử dụng máy đo định vị vệ tinh GPS78 CSX, hệ tọa độ Vn – 2000, máy đo do Hạt kiểm lâm huyện P cung cấp xác định diện tích rừng bị chặt hạ là 24.500m^2 (Hai mươi tư nghìn năm trăm mét vuông); tổng số cây bị chặt hạ là 1.136 cây với tổng khối lượng $154,313\text{m}^3$ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSVV ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện P kết luận: Tổng khối lượng gỗ mà các bị

can Lý Chàn Q, Lý Văn P và Lý Thị S phát phá là 154,313 m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, trị giá: 117.663.663 (Một trăm mười bảy triệu, sáu trăm sáu ba nghìn, sáu trăm sáu ba đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P và Lý Thị S đã tự nguyện nộp mỗi người 2.000.000^d (Một triệu đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục một phần thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSPN ngày 09/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện P để xét xử Lý Chàn Q, Lý Văn P và Lý Thị S về hành vi "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P và Lý Thị S phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lý Chàn Q từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lý Văn P từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lý Thị S từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Lý Văn P nhận thấy việc xét xử bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo chỉ là người thực hiện, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường khắc phục hậu quả, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lý Văn P được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, bị cáo không phải chịu tình tiết

tăng nặng nào. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Trên cơ sở đã bàn bạc từ trước giữa ba bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P và Lý Thị Snên đầu tháng 01 năm 2018 (không nhớ ngày) Lý Chàn Q nhờ vợ là bà Triệu Mùi N, Lý Văn P nhờ vợ là Triệu Mùi Y và Lý Thị S mỗi người dùng một con dao quắm cùng lên khu rừng mà đã thống nhất để phát bụi rậm, dây leo và các cây nhỏ trong khoảng 05 đến 06 ngày, và để lại số cây to. Số cây to còn lại sau đó P một mình dùng máy cưa lóc, loại máy xăng cầm tay của Lý Chàn Q cắt hạ hơn hai ngày thì hết những cây thân gỗ trong khu rừng đã phát quang trước đó, sau đó để chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng.

Hậu quả diện tích rừng bị chặt hạ là 24.500m² (Hai mươi tư nghìn năm trăm mét vuông); tổng số cây bị chặt hạ là 1.136 cây với tổng khối lượng 154,313m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị là 117.663.663 (Một trăm mười bảy triệu, sáu trăm sáu ba nghìn, sáu trăm sáu ba đồng).

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hủy hoại rừng” với tình tiết định khung là hủy hoại rừng sản xuất có diện tích từ 10.000m² đến dưới 50.000m²

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

đ, Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m^2) đến dưới 50.000 mét vuông (m^2);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”

[3] Đánh giá về vai trò của các bị cáo

Trong vụ án này bị cáo Lý Chàn Q là người giữ vai trò cầm đầu, khởi xướng việc đi phát phá rừng, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất. Bị cáo Lý Văn P giữ vai trò là người thực hiện chính. Bị cáo Lý Thị S giữ vai trò là người phát cây bụi và dây leo do vậy xác định bị cáo chỉ giữ vai trò thứ yếu.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Lý Chàn Q: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết phổ thông, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Lý Văn P: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học hết phổ thông nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đối với bị cáo Lý Thị S: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo chỉ được phát cây bụi và dây leo do vậy xác định bị cáo là người có vai trò thứ yếu trong vụ án nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, người được nguyên đơn dân sự ủy quyền có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả mỗi người 2.000.000^d, các bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu, tại phiên tòa các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường. Xét thấy việc thỏa thuận không trái pháp luật và hoàn toàn do hai bên tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

- 1.136 cây gỗ = 154,313m³ gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Ngày 01/10/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức tịch thu bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước.

- 03 (Ba) con dao (loại dao quắm) dao đã qua sử dụng, trong đó: 01 (Một) con dao có thân dao dài 34,5cm, bản dao rộng 5,5cm, chuôi dao dài 08 cm; 01 (Một) con dao có cán bằng gỗ có chiều dài 43cm, thân dao dài 26cm, bản dao rộng 3,2cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm; 01 (Một) con dao có thân dao dài 22,5cm, bản dao rộng 5cm, chuôi dao dài 5cm. Cả ba con dao này không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) Chiếc máy cưa xăng màu sơn đỏ sẫm nhãn hiệu KOMAT-KM-5500, lam dài 60cm đã qua sử dụng của Lý Chàn Q. Chiếc máy cưa này bị cáo Lý Văn P dùng để cưa hạ cây mà bị cáo Lý Chàn Q biết việc P dùng cưa để chặt hạ cây rừng tại thửa đất mà các bị cáo đã bàn bạc từ trước, do vậy phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Lý Văn P được hưởng 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận định đề nghị của người bào chữa là không có căn cứ, bởi lẽ bị cáo P giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện cưa hạ cây rừng, do vậy đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận.

[8] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Bà Triệu Mùi N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết nội dung gì liên quan đến vụ án. Trong vụ án này bà Triệu Mùi N và chị Triệu Mùi Y được tham gia phát dây leo, bụi rậm, cùng các bị cáo. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định bà N và bà Y không được bàn bạc thống nhất, không được trực tiếp phát phá cây thân gỗ mà chỉ phát cây bụi dậm, dây leo để vệ sinh rừng, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[9] Về án phí: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình các bị cáo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình Lý Văn P là hộ nghèo, các bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P, Lý Thị S phạm tội “Hủy hoại rừng”

[2]. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lý Chàn Q 36 (Ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[3] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lý Văn P 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lý Thị S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P, Lý Thị S cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người đại diện của người bị hại:

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lý Chàn Q phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện P với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^d (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00873 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Lý Văn P phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện Pác Nặm với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^d (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00875 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Buộc bị cáo Lý Thị S phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện P với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^d (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 2.000.000^d (Hai triệu đồng) mà bị cáo đã nộp tại biên lai thu tiền số 00874 ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 6.000.000^d (Sáu triệu đồng) mà các bị cáo đã nộp tại các biên lai thu tiền số 00873, 00874, 00875, ngày 26/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

03 (Ba) con dao (loại dao quắm) dao đã qua sử dụng, trong đó: 01 (Một) con dao có thân dao dài 34,5cm, bản dao rộng 5,5cm, chuôi dao dài 08 cm; 01 (Một) con dao có cán bằng gỗ có chiều dài 43cm, thân dao dài 26cm, bản dao rộng 3,2cm, cán dao bằng gỗ dài 17cm; 01 (Một) con dao có thân dao dài 22,5cm, bản dao rộng 5cm, chuôi dao dài 5cm.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước

01 (một) Chiếc máy cưa xăng màu sơn đỏ sẫm nhãn hiệu KOMAT-KM-5500, lam dài 60cm đã qua sử dụng.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Lý Chàn Q, Lý Văn P, Lý Thị S.

[7]. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người được nguyên đơn dân sự ủy quyền (01b)
- Bị cáo. (03b)
- Người bào chữa. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (02b)
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Tuấn